

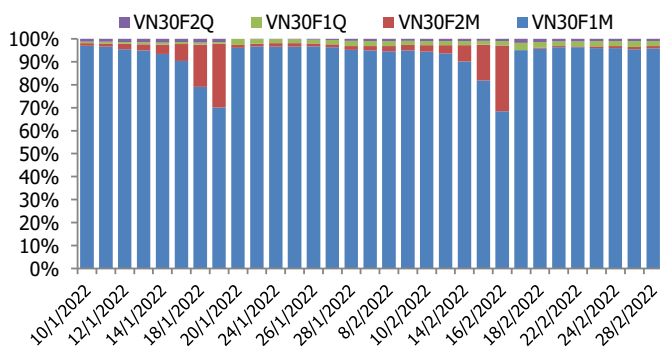
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2203 | 17/3/2022 | 17 | 1511.20 | 26,489 |
| VN30F2204 | 21/4/2022 | 52 | 1510.20 | 258 |
| VN30F2206 | 16/6/2022 | 108 | 1505.00 | 604 |
| VN30F2209 | 15/9/2022 | 199 | 1504.90 | 271 |

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Chịu tác động từ thị trường cơ sở, áp lực từ bên mở vị thế bán tăng nhanh và mạnh khiến điểm số của cả 4 HĐTL điều chỉnh với mức giảm từ 1,7 đến 8,6 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 9,32 điểm. Mức giảm thấp hơn chỉ số cơ sở kéo theo sự gia tăng của basis. Theo đó mức chênh lệch basis của các hợp đồng từ -5,98 điểm đến -12,28 điểm. Khởi ngoại bán ròng HĐTL tháng 03 với 206 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 5.034 hợp đồng.
- Nhóm cổ phiếu bluechip sau nhịp hồi ở phiên cuối tuần đã nhanh chóng quay ra điều chỉnh khiến thị trường gặp khó trong phiên giao dịch đầu tuần. Tâm điểm của dòng tiền phiên hôm nay đổ mạnh vào các cổ phiếu phân bón, than và thép giúp nhiều mã ngược dòng thị trường tăng mạnh, với sắc tím ghi nhận tại nhiều mã. Hôm nay là phiên tăng điểm thuyết phục của cổ phiếu thép khi thị giá tăng đi kèm với thanh khoản cải thiện rõ rệt. Về mặt kỹ thuật, mặc dù để mất gần 9 điểm nhưng chỉ số VN-Index vẫn đứng trên vùng hỗ trợ 1480 – 1485 điểm cho thấy xu hướng tăng có đôi chút bị ảnh hưởng nhưng vẫn chưa đáng lo ngại.
- Dao động trong biên độ đang là lợi thế của hoạt động giao dịch ngắn hạn trên thị trường phái sinh. Khi mẫu hình vận động giá chưa tạo ra điểm tựa đảo chiều vững chắc thì nhà đầu tư tiếp tục lựa chọn phương pháp giao dịch trading tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh. Vùng giá mở lệnh Mua cân nhắc là 1506-1509 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1500 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1518-1521 điểm. Đối với vị thế trung hạn, quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

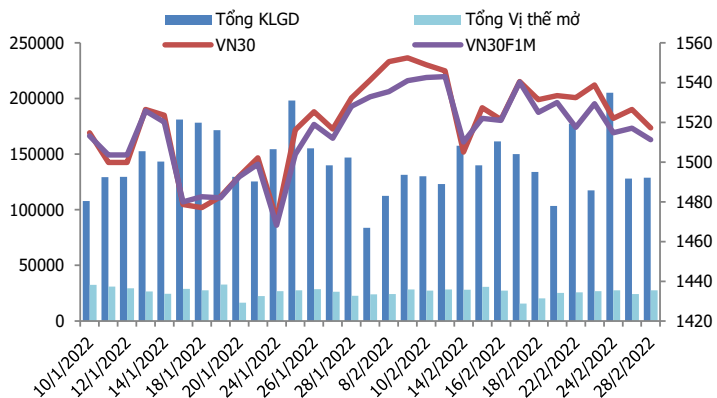
Khi mẫu hình vận động giá chưa tạo ra điểm tựa đảo chiều vững chắc. Chiến lược vẫn là mở lệnh mua khi giá áp sát về mức hỗ trợ 1506-1509 điểm, cắt lỗ nếu giá rơi xuống dưới 1500 điểm. Ngược lại, mở lệnh bán khi giá hồi phục về ngưỡng kháng cự 1518-1521 điểm, cắt lỗ nếu giá vượt 1525 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

Chiến lược giao dịch spread

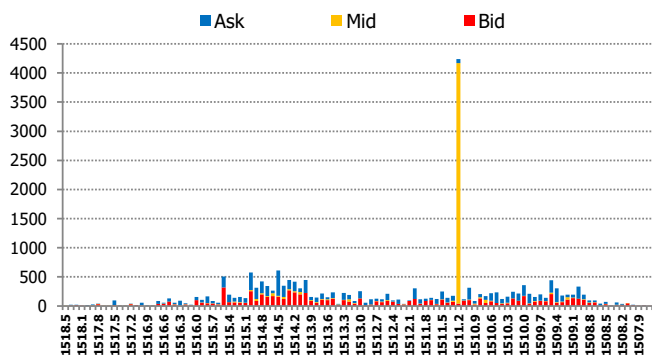
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2203 | 1511.2 | -0.38 | 128,372 | 0.5 | 26,489 | 14.0 |
| VN30F2204 | 1510.2 | -0.24 | 233 | -6.0 | 258 | 5.7 |
| VN30F2206 | 1505.0 | -0.11 | 60 | 33.3 | 604 | -0.5 |
| VN30F2209 | 1504.9 | -0.57 | 115 | 85.5 | 271 | 6.3 |
| Tổng | | | 128,780 | 0.6 | 27,622 | 13.5 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Chịu tác động từ thị trường cơ sở, áp lực từ bên mở vị thế bán tăng nhanh và mạnh khiến điểm số của cả 4 HĐTL điều chỉnh với mức giảm từ 1,7 đến 8,6 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 9,32 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng nhẹ 0,59% so với phiên liền trước, đạt 128.780 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 03 với 128.372 hợp đồng. Khối ngoại quay trở lại bán ròng HĐTL tháng 03 với 206 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 5.034 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2203 là 1.518,04 điểm (cao hơn 6,84 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2204 là 1.519,92 điểm (+9,72 điểm), VN30F2206 là 1.522,94 điểm (+17,94 điểm) và VN30F2209 là 1.527,85 điểm (+22,95 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

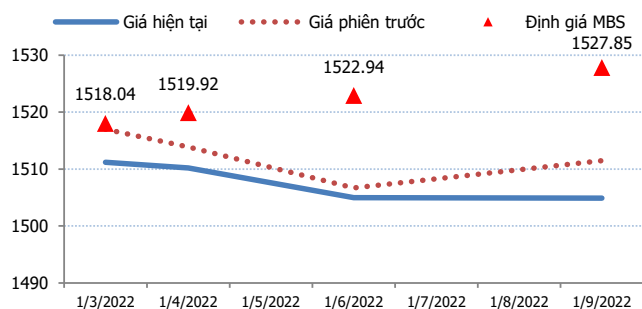
| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng kết | SELL | SELL | BUY |
| Hỗ trợ | 1506-1509 | 1500-1505 | 1478-1486 |
| Kháng cự | 1518-1521 | 1528-1532 | 1560-1569 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|--------|
| VN30F2M - VN30F1M | -1 | -3.10 | 2.1 | -2.38 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -6.2 | -10.30 | 4.1 | -9.60 |
| VN30F1Q - VN30F2M | -5.2 | -7.20 | 2.0 | -7.22 |
| VN30F2Q - VN30F1M | -6.3 | -5.50 | -0.8 | -11.84 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -5.3 | -2.40 | -2.9 | -9.46 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -0.1 | 4.80 | -4.9 | -2.24 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



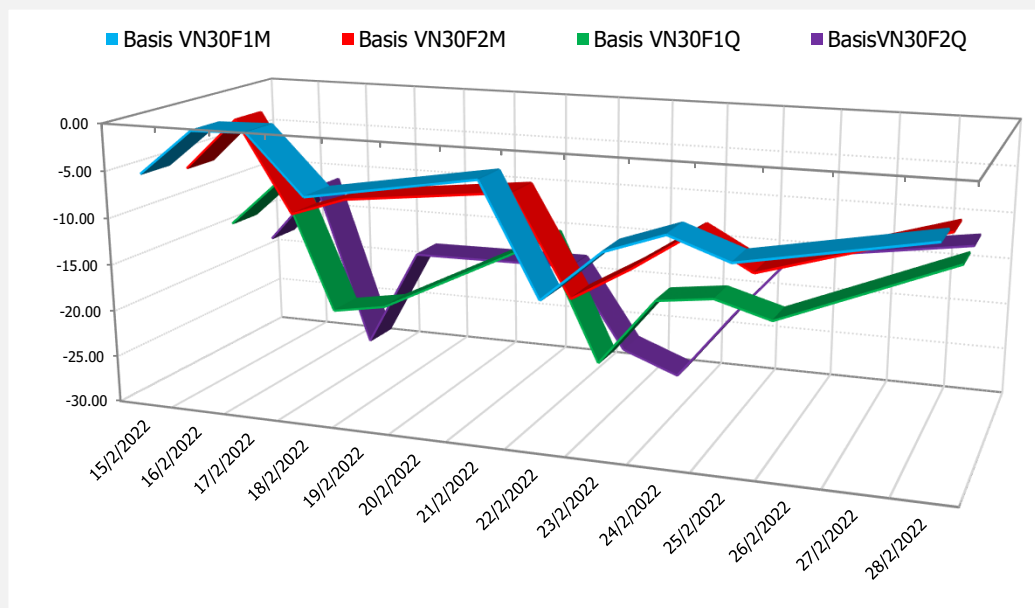
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÈNH LỆCH GIÁ HĐTL

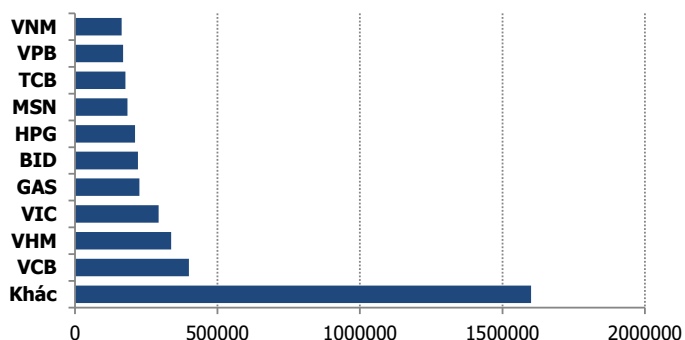
- Chịu tác động từ thị trường cơ sở, áp lực từ bên mở vị thế bán tăng nhanh và mạnh khiến điểm số của cả 4 HĐTL điều chỉnh với mức giảm từ 1,7 đến 8,6 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 9,32 điểm. Mức giảm thấp hơn chỉ số cơ sở kéo theo sự gia tăng của basis. Theo đó mức chênh lệch basis của các hợp đồng từ -5,98 điểm đến -12,28 điểm.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -6,3 điểm đến -0,1 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2203-VN30F2202) tăng thêm 2,1 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

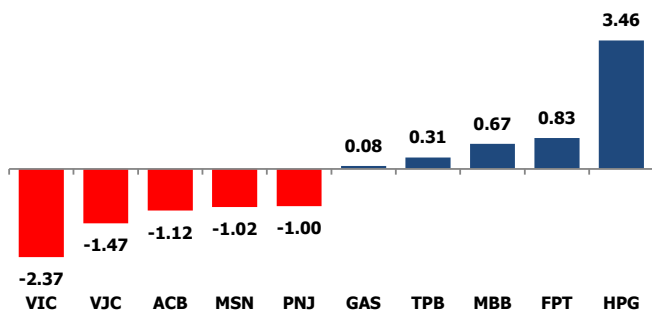


| | VNIndex | VN30 |
|------------------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1490.13 | 1517.18 |
| Thay đổi | -8.76 | -9.32 |
| %Chg | -0.58 | -0.61 |
| YTD | -0.54 | -1.21 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 5,891.08 | 3,983.36 |
| P/E | 16.98 | 13.92 |
| P/B | 2.62 | 2.70 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân đẩy các chỉ số chính quay trở lại đà giảm điểm. Số mã giảm điểm (21) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (8) và 1 mã đứng tham chiếu. VIC và VJC trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -2,37 điểm và -1,47 điểm; ngoài ra ACB, MSN hay PNJ cũng là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 9,32 điểm (-0,61%) xuống 1.517,18 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 199,43 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 8.744 tỷ đồng.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng với 797,87 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực bán tập trung ở các mã như HPG (-353 tỷ đồng), CTG (-122 tỷ đồng), VIC (-106 tỷ đồng), KBC (-58 tỷ đồng), HDB (-54 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|-------------------|-----------|--------|-------|--------|
| VNIIndex | 1,490.13 | (0.58) | 16.98 | (0.54) |
| Dow Jones | 33,892.60 | (0.49) | 17.95 | (6.73) |
| S&P500 | 4,373.94 | (0.24) | 22.45 | (8.23) |
| Nikkei 225 | 26,876.63 | 1.32 | 15.38 | (6.65) |
| Shanghai | 3,462.31 | 0.32 | 14.83 | (4.88) |
| DAX | 14,461.02 | (0.73) | 13.07 | (8.96) |
| Vàng | 1,906.28 | (0.14) | | 4.21 |
| Dầu WTI | 96.05 | 0.34 | | 27.71 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|--|----------|--------|---------|
| Thứ Hai - 28/02/2022 | | | |
| Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 1) | -4.4% | 0.4% | 1.8% |
| Thứ Ba - 01/03/2022 | | | |
| Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 2) | 50.1 | 49.9 | |
| Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất của Caixin (Tháng 2) | 49.1 | 49.5 | |
| Úc - Quyết định lãi suất (Tháng 3) | 0.10% | 0.10% | |
| Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 2) | 59.8 | 58.5 | |
| Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất (Tháng 2) | 57.3 | 57.3 | |
| Canada - Tổng GDP (tháng/tháng) (Tháng 12) | 0.6% | 0.1% | |
| Mỹ - Chỉ số PMI sản xuất của ISM (Tháng 2) | 57.6 | 58.0 | |
| Thứ Tư - 02/03/2022 | | | |
| Úc - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 4) | -1.9% | -2.7% | |
| Đức - Thay đổi thất nghiệp (Tháng 2) | -48K | -23K | |
| Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 2) | 5.1% | 5.3% | |
| Mỹ - Thay đổi việc làm phi nông nghiệp ADP (Tháng 2) | -301K | 350K | |
| Canada - Quyết định lãi suất | 0.25% | 0.50% | |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô | 4.515M | 2.796M | |
| Thứ Năm - 03/03/2022 | | | |
| Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp (Tháng 2) | 60.2 | 60.2 | |
| Anh - Chỉ số PMI dịch vụ (Tháng 2) | 60.8 | 60.8 | |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 232K | 226K | |
| Mỹ - Chỉ số PMI phi sản xuất của ISM (Tháng 2) | 59.9 | 61.0 | |
| Thứ Sáu - 04/03/2022 | | | |
| Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) | -4.4% | | |
| Anh - PMI xây dựng (Tháng 2) | 56.3 | 54.3 | |
| Mỹ - Bảng lương phi nông nghiệp (Tháng 2) | 467K | 450K | |
| Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp (Tháng 2) | 4.0% | 3.9% | |
| Canada - Chỉ số PMI Ivey (Tháng 2) | 50.7 | | |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ trái chiều trong phiên giao dịch biến động khi nhà đầu tư theo dõi những diễn biến cuộc xâm lược của Nga vào Ukraine, bao gồm một loạt lệnh trừng phạt mới từ Mỹ và các đồng minh. Kết phiên, chỉ số Dow Jones rớt 166,15 điểm (-0,49%) xuống 33.892,60 điểm, nhưng rút khỏi mức đáy trong phiên. Chỉ số S&P 500 mất 0,24% còn 4.373,94 điểm. Trong khi, Nasdaq Composite vào cuối phiên tiến 0,41% lên 13.751,40 điểm.
- Các đồng minh phương Tây đã áp đặt thêm các lệnh trừng phạt với Nga và loại một số ngân hàng của Nga khỏi hệ thống thanh toán toàn cầu, điều này có thể gây ra sự gián đoạn nghiêm trọng tới xuất khẩu dầu của nước này. Chốt phiên, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 4 hết hạn trong ngày tăng 3,06 USD (+3,1%) lên 100,99 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 4,13 USD (+4,5%) lên 95,72 USD/thùng.
- Vàng giao ngay tăng 0,6% lên 1.898,25 USD/ounce, sau khi tăng 2,2% trong đầu phiên. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 4 đóng cửa tăng 0,7% lên 1.900,7 USD/ounce. Vàng thường được sử dụng làm nơi trú ẩn an toàn trong thời điểm bất ổn về chính trị và tài chính, đã tăng 6,5% trong tháng 2, trong tuần trước giá đã đạt 1.973,96 USD, cao nhất trong 18 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VIC, VJC và ACB là những nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 giảm điểm trở lại. Trong đó, VIC gây ảnh hưởng -2,37 điểm cho chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|---|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|-------|------|
| VPB | Banks | 8.43 | 38,000 | -0.52 | 3.20% | 814.566 | -0.67 | 13.66 | 2.71 |
| HPG | Metals & Mining | 8.28 | 47,200 | 2.83 | 3.80% | 1654.28 | 3.46 | 6.66 | 2.51 |
| TCB | Banks | 8.20 | 50,400 | -0.59 | 1.39% | 358.589 | -0.74 | 10.15 | 2.02 |
| VIC | Real Estate Management & Development | 5.72 | 77,000 | -2.65 | 3.25% | 362.044 | -2.37 | 61.70 | 2.88 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 5.64 | 77,500 | -1.02 | 1.42% | 220.651 | -0.88 | 8.72 | 2.96 |
| ACB | Banks | 5.55 | 33,900 | -1.31 | 1.33% | 131.43 | -1.12 | 9.42 | 2.16 |
| MSN | Food Products | 5.25 | 156,000 | -1.27 | 2.50% | 67.237 | -1.02 | 76.81 | 8.56 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 5.13 | 93,300 | 1.08 | 1.30% | 139.807 | 0.83 | 21.00 | 4.99 |
| MBB | Banks | 5.10 | 34,400 | 0.88 | 2.35% | 438.281 | 0.67 | 11.70 | 2.32 |
| VNM | Food Products | 4.67 | 78,400 | -0.63 | 1.54% | 176.707 | -0.45 | 17.38 | 5.27 |
| MWG | Specialty Retail | 4.49 | 136,000 | -1.16 | 1.85% | 245.832 | -0.80 | 22.19 | 5.16 |
| STB | Banks | 4.20 | 32,850 | -0.45 | 1.68% | 543.512 | -0.29 | 17.56 | 1.86 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 3.63 | 75,300 | -1.31 | 2.13% | 215.66 | -0.73 | 41.50 | 4.25 |
| VCB | Banks | 3.14 | 84,500 | -0.71 | 0.83% | 112.046 | -0.34 | 18.93 | 3.65 |
| HDB | Banks | 2.86 | 28,800 | -1.54 | 2.44% | 139.252 | -0.68 | 10.24 | 2.08 |
| TPB | Banks | 2.86 | 42,250 | 0.72 | 3.66% | 232.798 | 0.31 | 12.87 | 2.70 |
| VJC | Airlines | 2.71 | 140,100 | -3.45 | 4.26% | 112.364 | -1.47 | 61.70 | 4.49 |
| SSI | Capital Markets | 2.24 | 45,700 | 0.00 | 2.08% | 346.144 | 0.00 | 21.04 | 3.32 |
| CTG | Banks | 1.70 | 33,150 | -2.07 | 2.11% | 424.548 | -0.55 | 9.61 | 1.68 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 1.70 | 33,500 | -1.47 | 2.09% | 175.789 | -0.38 | 35.13 | 2.50 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 1.58 | 52,900 | -0.75 | 2.09% | 33.447 | -0.18 | 28.50 | 3.48 |
| PNJ | Textiles, Apparel & Luxury Goods | 1.42 | 103,000 | -4.45 | 5.53% | 240.88 | -1.00 | 24.44 | 4.21 |
| PDR | Capital Markets | 1.19 | 85,000 | -2.86 | 3.29% | 216.996 | -0.53 | 26.22 | 6.69 |
| SAB | Food Products | 0.85 | 169,800 | 0.12 | 1.98% | 11.864 | 0.02 | 28.86 | 5.13 |
| GAS | Gas Utilities | 0.81 | 118,000 | 0.68 | 2.22% | 110.928 | 0.08 | 27.55 | 4.59 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Produce | 0.72 | 17,350 | -2.80 | 4.05% | 496.526 | -0.32 | 14.00 | 1.35 |
| BID | Banks | 0.63 | 43,700 | -1.91 | 1.95% | 118.627 | -0.19 | 22.44 | 2.67 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 0.56 | 62,300 | -0.16 | 2.25% | 152.213 | -0.01 | 23.51 | 3.23 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 0.39 | 34,150 | 0.44 | 2.39% | 64.584 | 0.03 | 27.44 | 2.78 |
| BVH | Beverages | 0.31 | 59,100 | 0.17 | 2.06% | 42.008 | 0.01 | 23.90 | 2.06 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 |
| | | GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 |
| | | GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| 8 | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| 9 | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Đinh Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu | long.dinhviet@mbs.com.vn |